

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 02-8-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Giao.

Ông Trần Hà Bắc.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:*** Bà Lâm Thị Tuất – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị A, sinh năm 1988; địa chỉ: Xóm 21, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Trần Thị A (theo diện trợ giúp pháp lý): Bà Đặng Thị Anh Thư - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Nam Định; “có mặt”;

Bị đơn: Anh Phan Văn T; sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm 21, xã A, huyện B, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị A

cũng như người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là bà Đặng Thị Anh Thư trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Phan Văn T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được UBND xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/01/2014. Sau khi kết hôn, anh T thường xuyên uống rượu, đòi tiền chị đi chơi. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2017. Nay Chị A xác định không còn tình cảm với anh T, nên nguyện vọng của chị xin được ly hôn với anh Phan Văn T.

Về việc nuôi con: Chị A và anh T có 01 con chung là Phan Đình Th, sinh ngày 17/10/2014, hiện đang ở với Chị A. Nay ly hôn, Chị A nhận trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị A không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Phan Văn T: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T nhưng anh T không trực tiếp trình bày quan điểm và không chấp hành việc triệu tập của Tòa án.

Kết quả xác minh tại xã Giao Thiện thấy: Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như Chị A trình bày cơ bản là đúng. Anh T là lao động ở quê và hiện đang ở địa phương. Anh T hay uống rượu chè, chơi bời bạn bè. Khi Chị A xin ly hôn thì anh T xác định qua Trưởng xóm là Chị A muốn ly hôn thì mặc Chị A, anh không quan tâm, không đến Tòa án để làm việc. Về điều kiện nuôi con: Anh T không có khả năng nuôi con. Anh T đang làm nghề nuôi trồng thủy sản ở Giao Thiện nhưng mãi chơi, không chịu làm ăn, không đảm bảo thu nhập để nuôi con.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nguyên đơn có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt và bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị A và anh Phan Văn T. giao cháu Phan Đình Th; sinh ngày 17/10/2014 cho Chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Thị A có đơn đề nghị xử vắng mặt, bị đơn anh Phan Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên có căn cứ xét xử vắng mặt cả hai đương sự như quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố

tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị A và anh Phan Văn T kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng giữa Chị A và anh T không có hạnh phúc do tính cách không hợp, hai bên không có giải pháp hòa giải đoàn tụ và đã sống ly thân trong một khoảng thời gian dài. Chị A xin ly hôn, anh T không tới Tòa án tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa Chị A và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có cơ hội hàn gắn hạnh phúc nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị A đối với anh Phan Văn T, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4] Về việc nuôi con: Vợ chồng chị Trần Thị A và anh Phan Văn T có 01 con chung là Phan Đình Th, sinh ngày 17/10/2014. Căn cứ vào nguyện vọng, điều kiện nuôi con của các đương sự, kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại nơi cư trú của chị Trần Thị A và anh Phan Văn T; đủ cơ sở giao con chung cho chị Trần Thị A tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận việc chị Trần Thị A không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung

[5] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị A là nguyên đơn, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Chị A phải nộp toàn bộ án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị A và anh Phan Văn T.

2. Về việc nuôi con: Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Giao cho chị Trần Thị A trực tiếp nuôi con chung chưa thành niên là: Phan Đình Th, sinh ngày 17/10/2014; Ghi nhận việc chị Trần Thị A không yêu cầu anh Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con chung; Anh Phan Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc chị Trần Thị A phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000405 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy; chị Trần Thị A đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh + Huyện: 02 bản;
- Chi cục THADS Huyện: 01 bản;
- UBND xã Giao Thiện: 01 bản;
- Các đương sự: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên